

Hanoi, 3rd October 2026

LETTER OF INQUIRY

THƯ MỜI BÁO GIÁ

To: Prospective suppliers of overseas-produced coal

Kính gửi: Các nhà cung cấp than nhập khẩu

First of all, we, Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, would like to send our respectful greetings to your company.

Lời đầu thư, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin được gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

On 2nd October 2026, we issued a letter of inquiry for overseas-produced bituminous/subbituminous coal with typical Net calorific value of 5,000 kcal/kg (ARB). Due to adjustments in the quotation currency requirements, we are extending the deadline to receive the quotations until the end of **3rd October 2026**. We enclose the following quality specifications of coal type and conditions of coal supply for your convenience in quoting and providing information. Suppliers whose quotations are affected by the adjustments are kindly requested to resubmit the quotations accordingly.

*Ngày 02/10/2026, chúng tôi đã gửi thư mời báo giá đối với chủng loại than bitum/á bitum sản xuất tại nước ngoài có nhiệt trị tinh thực nhận điển hình 5.000 kcal/kg (cơ sở nhận). Do có thay đổi yêu cầu về đồng tiền báo giá nên chúng tôi gia hạn thời gian nhận báo giá đến hết ngày **03/10/2026**. Chúng tôi gửi kèm theo sau đây quy cách chất lượng của chủng loại than và các điều kiện cung cấp than để Quý Công ty thuận tiện trong việc báo giá và cung cấp thông tin. Nhà cung cấp có báo giá bị ảnh hưởng bởi thay đổi trên vui lòng gửi lại báo giá phù hợp.*

The supplier offering the lowest price and meeting our requirements will be considered for further negotiation and contract signing.

Nhà cung cấp có báo giá thấp nhất và đáp ứng các điều kiện của chúng tôi sẽ được xem xét để thương thảo, ký kết hợp đồng.

Please send in advance the scanned copy of your quotation (signed and stamped) to our email address: **business@northerncoal.vn**, and afterward send the original to: Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, No. 5, Phan Đình Giót Street, Phuong Liet Ward, Hanoi, Vietnam.

*Quý Công ty vui lòng gửi trước bản scan báo giá (đã ký và đóng dấu) về địa chỉ email: **business@northerncoal.vn**, bản gốc gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, số 5, Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội, Việt Nam.*

.Looking forward to hearing from you soon!

Rất mong sớm nhận được hồi âm của Quý Công ty!

Best regards!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi; 
- Tổng Giám đốc (e-copy, b/c);
- P.TGD: H.M.Long (e-copy);
- Lưu: VT, KD.

**ON BEHALF OF G. DIRECTOR
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**

***KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC***



Hoàng Minh Long

INFORMATION FOR QUOTATION

THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

- Type of coal: Overseas-produced coal with typical Net calorific value of 5,000 kcal/kg (ARB);

- *Chủng loại than: Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt trị tính thực nhận điển hình 5.000 kcal/kg (cơ sở nhận);*

- Quality specification:

- *Quy cách chất lượng:*

No. STT	Specification <i>Chỉ tiêu kỹ thuật</i>	Basis (ISO or ASTM standards) <i>Cơ sở phân tích (theo tiêu chuẩn ISO hoặc ASTM)</i>	Typical value <i>Giá trị điển hình</i>	Rejection <i>Từ chối</i>
1	Total Moisture <i>Hàm lượng ẩm toàn phần</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	18% <i>18%</i>	> 20% <i>> 20%</i>
2	Inherent Moisture <i>Hàm lượng ẩm trong</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	10% <i>10%</i>	None <i>Không</i>
3	Ash Content <i>Hàm lượng tro</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	8% <i>8%</i>	> 10% <i>> 10%</i>
4	Volatile Matter <i>Chất bốc</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	25-50% <i>25-50%</i>	< 25% or > 50% <i>< 25% hoặc > 50%</i>
5	Total Sulphur <i>Tổng lượng lưu huỳnh toàn phần</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khí khô</i>	0.6% <i>0,6%</i>	> 0.8% <i>> 0,8%</i>
6	HGI <i>Chỉ số nghiền Hardgrove</i>		36-60 <i>36-60</i>	< 36 or > 60 <i>< 36 hoặc > 60</i>
7	Ash fusion temperature (in reducing environment): Initial Deformation <i>Nhiệt độ nóng chảy của tro (trong môi trường khử): nhiệt độ biến dạng ban đầu</i>		$\geq 1,150^{\circ}\text{C}$ <i>$\geq 1.150^{\circ}\text{C}$</i>	$< 1,150^{\circ}\text{C}$ <i>$< 1.150^{\circ}\text{C}$</i>
8	Na ₂ O <i>Na₂O</i>	Dry basis <i>Cơ sở khô</i>	$\leq 3\%$ <i>$\leq 3\%$</i>	> 3% <i>> 3%</i>
9	Net Calorific Value <i>Nhiệt trị tính thực nhận</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	5,000 kcal/kg <i>5.000 kcal/kg</i>	< 4,900 kcal/kg <i>< 4.900 kcal/kg</i>
10	Size ≤ 100 mm <i>Kích thước than ≤ 100 mm</i>		100% <i>100%</i>	<99.7% <i><99,7%</i>

- Origin: [to be specified].

(Note: The coal may be of multiple origins, provided that it originates from countries/territories that are not embargoed by Vietnam and/or the United Nations. For non-customs-cleared coal (the Purchaser is the importer), the coal shall also comply

with the sanctions regulations of the United States as well as other relevant countries and territories. The coal shall not be of Laos origin).

- *Xuất xứ: [ghi rõ].*

(Ghi chú: Than có thể từ nhiều xuất xứ khác nhau nhưng phải có nguồn gốc từ các quốc gia/vùng lãnh thổ không bị cấm vận bởi Việt Nam và/hoặc Liên Hợp Quốc; đối với than chưa thông quan (Bên Mua là đơn vị nhập khẩu) cần tuân thủ thêm các quy định về cấm vận của Mỹ cũng như các quốc gia, lãnh thổ khác. Than không được có xuất xứ từ Lào).

- Trading method: [Specify whether the coal is non-customs-cleared (the Purchaser is the importer) or customs-cleared].

- *Phương thức mua bán: [ghi rõ than chưa thông quan (Bên Mua là đơn vị nhập khẩu) hay than đã qua thông quan].*

- Quantity: 70,000 metric tons (+/-20%).

- *Khối lượng: 70.000 tấn (+/-20%)*

- Delivery time at the discharge port: No later than 15th October 2026.

- *Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng: Không muộn hơn 15/10/2026.*

- Place: Import to Go Gia/Thieng Lieng anchorage, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- *Địa điểm: Nhập khẩu về khu neo Gò Gia/Thiêng Liêng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

- Term of delivery: CIF Go Gia/Thieng Lieng anchorage, Ho Chi Minh city, Vietnam (Incoterms 2020).

- *Điều kiện cơ sở giao hàng: CIF khu neo Gò Gia/Thiêng Liêng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo Incoterms 2020.*

- Unit Price Structure:

- *Cơ cấu đơn giá:*

CIF Base Unit Price (**including import tax, if any**) = FOB Base Unit Price + Freight plus Insurance = ____ /MT. In which:

FOB Base Unit Price = ____ /MT.

Freight plus Insurance = ____ /MT.

Đơn giá CIF cơ sở (đã bao gồm thuế nhập khẩu, nếu có) = Đơn giá FOB cơ sở + Cước vận chuyển và bảo hiểm = ____ /tấn. Trong đó:

Đơn giá FOB cơ sở = ____ /tấn.

Cước vận chuyển và bảo hiểm = ____ /tấn.

(Note/Ghi chú:

- The CIF Base Unit Price quoted shall include import tax, if any. The contract base unit price shall be equal to the quoted unit price minus import tax, if any.

Nhà cung cấp chào Đơn giá CIF cơ sở đã bao gồm thuế nhập khẩu, nếu có. Đơn giá cơ sở hợp đồng sẽ bằng đơn giá chào trừ đi thuế nhập khẩu, nếu có.

- The Freight plus Insurance quoted shall be within the range of **8.84 - 13.26** USD/MT. Any gap between the Freight plus Insurance and the actual freight and insurance (if any) shall be allocated by the Supplier into the FOB unit price.

Nhà cung cấp được phép chào Cước vận chuyển và bảo hiểm trong khoảng 8,84 - 13,26 USD/tấn. Phần chênh lệch giữa Cước vận chuyển và bảo hiểm với Cước vận chuyển và bảo hiểm thực tế (nếu có), nhà cung cấp tự cân đối vào đơn giá FOB.

- Domestic suppliers shall quote in VND, foreign suppliers shall quote in USD. The exchange rate used for evaluation shall be the Vietcombank selling rate at the end of 2nd October 2026: 1 USD = 26,170 VND.

Đối với nhà cung cấp trong nước chào bằng VND, đối với nhà cung cấp nước ngoài chào bằng USD. Tỷ giá quy đổi để đánh giá là tỷ giá bán ra của ngân hàng Vietcombank cuối ngày 02/10/2026: 1 USD = 26.170 VND)

- Adjustment of CIF Unit Price based on actual Net Calorific Value (ARB) according to analysis result at the loading port:

- Điều chỉnh đơn giá CIF theo nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận) theo kết quả giám định tại cảng xếp hàng:

Adjusted CIF Unit Price = FOB Base Unit Price × Actual Net Calorific Value (ARB)/Typical Net Calorific Value (ARB) + Freight plus Insurance.

Đơn giá CIF điều chỉnh = Đơn giá FOB cơ sở × Nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận)/Nhiệt năng tịnh điển hình (cơ sở nhận) + Cước vận chuyển và bảo hiểm.

- Average discharging rate: 7,000 MT per Weather Working Day, All Time Day and Night including Saturdays, Sundays, and holidays, excluding the major holidays according to calendar in Vietnam.

- Tốc độ dỡ hàng trung bình: 7.000 tấn trên mỗi ngày làm việc trong điều kiện thời tiết bình thường, bao gồm cả ngày lẫn đêm, thứ bảy, chủ nhật hay ngày lễ tết, trừ một số ngày lễ lớn theo lịch Việt Nam.

- Despatch/Demurrage rate shall be as per the governing Charter Party and shall be advised at the time of the Seller's nomination of the vessel; however, in any case, it shall not exceed USD 7,500/15,000 per day pro rata.

- Mức thưởng/phạt tốc độ dỡ hàng áp dụng như quy định tại Hợp đồng thuê tàu và sẽ được thông báo tại thời điểm Bên Bán chỉ định tàu nhưng trong mọi trường hợp không được vượt quá 7.500/15.000 USD/ngày.

- For customs-cleared coal: The coal must be delivered on a full-vessel basis, with seals intact, and must be consistent with the customs declaration documents.

- Đối với than đã qua thông quan: Than phải được giao nhận nguyên tàu, còn nguyên niêm phong, kẹp chì và phù hợp với bộ chứng từ khai báo hải quan.

Other terms and conditions will be further discussed and agreed upon during contract negotiations based on the Purchaser's draft contract.

Các điều kiện khác sẽ được chi tiết trong quá trình thương thảo hợp đồng trên cơ sở dự thảo hợp đồng của Bên Mua.